| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TL**<br>**THÀNH PHỐ CẦN THƠ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST<br>Ngày: 07 - 01 - 2025<br>V/v "Tranh chấp ly hôn". | |

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TL, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Đỗ Ngọc Diễm

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Lê Hoàng Long

2. Bà Võ Thị Kim Son

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn Tưởng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện TL.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TL, thành phố Cần Thơ tham gia phiên toà:* Ông Phạm Văn Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TL, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 213/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2024 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 820/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị Ngọc D, sinh năm 1974
Địa chỉ: Ấp TTA, xã TTh, huyện TL, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1971
Địa chỉ: Ấp TTA, xã TTh, huyện TL, thành phố Cần Thơ.

*(Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc D trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn P chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào năm 2006. Vợ chồng bà có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Ngọc Th, sinh ngày 21/8/1995; Nguyễn Ngọc Tr, sinh ngày 01/3/2000. Quá trình chung sống, vợ

chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Chồng bà là ông P thường xuyên uống rượu, đập phá nhà cửa và đánh, mắng bà và con. Bà yêu cầu được ly hôn với ông P. Các con đã trưởng thành và phát triển bình thường nên bà không yêu cầu giải quyết. Bà và ông P không có tài sản chung và nợ chung nên cũng không yêu cầu giải quyết. Đồng thời bà D có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Bị đơn ông Nguyễn Văn P trình bày: Ông và bà Trần Thị Ngọc D chung sống có tổ chức lễ cưới vào năm 1993 và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào năm 2006. Vợ chồng ông có 02 người con chung tên Nguyễn Ngọc Tr, sinh ngày 01/3/2000 và Nguyễn Thị Ngọc Th, sinh ngày 21/8/1995. Hiện nay Ngọc Th đã có gia đình riêng (có chồng và sinh con), Ngọc Tr đã trưởng thành và phát triển bình thường. Quá trình chung sống, vợ chồng ông phát sinh nhiều mâu thuẫn xuất phát từ việc ông hay uống rượu cùng bạn bè và cãi nhau cùng vợ. Vợ chồng ông không đánh nhau và ông cũng không ngoại tình. Vì vậy, ông không đồng ý lý hôn với vợ ông là Trần Thị Ngọc D. Ông và bà D có tài sản chung nhưng ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi nào có tranh chấp ông sẽ khởi kiện sau. Vợ chồng ông không có nợ chung. Đồng thời, ông P có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và đề nghị:

*Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

*Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án*: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

*Về nội dung*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Ngọc D đối với ông Nguyễn Văn P; Về con chung, không xem xét giải quyết do các con bà D và ông P đã trưởng thành và phát triển bình thường. Về tài sản chung và nợ chung, không có nên không yêu cầu giải quyết. Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị Ngọc D khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn P có địa chỉ thường trú tại ấp TTA, xã TTh, huyện TL, thành phố Cần Thơ. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TL.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Ngọc D và ông Nguyễn Văn P chung sống và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hôn nhân giữa bà D và ông P là tự nguyện và hợp pháp. Bà D xác định vợ chồng bà phát sinh mâu thuẫn trong quá trình chung sống liên quan đến việc ông P thường xuyên uống rượu, không chăm lo gia đình. Ông P cũng thừa nhận nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do ông thường xuyên uống rượu cùng bạn bè và cãi nhau cùng bà D. Ông P trình bày, sau khi Tòa án thụ lý vụ việc thì bà D có đơn xin giải quyết vắng mặt và đi thăm con gái tại Hàn Quốc. Ông cũng không biết địa chỉ hiện tại của bà D và cũng không biết phải làm sao để hàn gắn quan hệ tình cảm với bà D. Hội đồng xét xử xét thấy, bà D sau khi nộp đơn ly hôn và xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không mong muốn Tòa án hòa giải đoàn tụ. Mặc dù ông P không đồng ý ly hôn nhưng cũng không biết phải làm sao hàn gắn quan hệ hôn nhân, không liên lạc được bà D và cũng không rõ địa chỉ hiện nay cũng như không biết khi nào bà D quay về. Điều đó chứng tỏ bà D kiên quyết ly hôn và quan hệ hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng không thể hàn gắn. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Ngọc D đối với ông Nguyễn Văn P.

[3] Về con chung: Các con bà D và ông P đã trưởng thành, cả bà D và ông P đều xác định các con phát triển bình thường và không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà D và ông P thống nhất xác định không có nợ chung. Bà D cho rằng không có tài sản chung, ông P xác định có

nhưng không yêu cầu giải quyết, khi nào có tranh chấp sẽ yêu cầu bằng vụ kiện khác. Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

[5] Về án phí: Bà D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

[6] Những phân tích, nhận định và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với tài liệu chứng cứ cũng như phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a khoản 1 Điều 228; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Ngọc D đối với ông Nguyễn Văn P.

2. Về con chung: Các cháu Nguyễn Ngọc Tr và Nguyễn Thị Ngọc Th đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí: Bà Trần Thị Ngọc D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Bà D đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004557 ngày 12/11/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TL được chuyển thu án phí.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***
- Đương sự**;**
- TANDTPCT;
- VKSND huyện TL;
- Cơ quan THA huyện TL;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu: HS; VT-TA.

**Đỗ Ngọc Diễm**